Ủy ban Dân tộc
24.10.2022 10:33:47 +07:00

UỶ BAN DÂN TỘC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1773/UBDT-CSDT V/v rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh sách xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	*Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2022*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Điều 2, Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Điều 2, Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh, bổ sung danh sách xã; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc điều chỉnh, bổ sung danh sách thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các Cơ quan liên quan thực hiện một số nội dung sau:

1. Rà soát danh sách các xã, thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Kết quả ghi theo phụ lục số 01.

2. Rà soát xã khu vực III, khu vực II phê duyệt tại Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ đến nay đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả ghi theo phụ lục số 02.

3. Rà soát các xã, thôn chia tách, sáp nhập, thành lập mới và đề xuất xác định khu vực đối với xã, diện ĐBKK đối với thôn sau sáp nhập. Kết quả ghi theo phụ lục số 03 và số 04.

4. Rà soát đề nghị điều chỉnh tên các xã, thôn đã được phê duyệt tại Quyết định 861/QĐ-TTg và Quyết định 612/QĐ-UBDT (Bao gồm cả các xã hoặc thôn không đổi tên, nhưng có thay đổi do điều chỉnh địa giới hành chính huyện hoặc xã). Kết quả ghị theo phụ lục 05.

Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Kết quả rà soát đề nghị gửi về Ủy ban Dân tộc, số 349 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội **trước ngày 28/11/2022** để tổng hợp,

thẩm định, lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT (để b/c);
- Cổng TTĐT UBDT;
- Lưu: VT, CSDT (3b).

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM

Y Vinh Tơr

Phụ lục 01

DANH SÁCH XÃ, THÔN THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

TỈNH.....

(Kèm theo Văn bản số 1773 /UBDT-CSDT ngày 24 /10/2022 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Danh sách xã, thôn tại thời điểm phê duyệt QĐ 861/QĐ-TTg và QĐ 612/QĐ-UBDT						Danh sách xã, thôn tại thời điểm rà soát				
	Tên	Tổng số hộ	Tr.đó: Số hộ DTTS	Tỷ lệ hộ DTTS (%)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Xã thuộc khu vực hoặc thôn thuộc diện ĐBKK	Tên	Tổng số hộ	Tr.đó: Số hộ DTTS	Tỷ lệ hộ DTTS (%)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Huyện.....						Huyện.....				
1	Xã....						Xã....				
	Thôn A						Thôn A				
	Thôn B						Thôn B				
	Thôn C						Thôn C				
2	Xã....						Xã....				
	Thôn A						Thôn A				
	Thôn B						Thôn B				
	Thôn C						Thôn C				
II	Huyện.....						Huyện.....				

Ghi chú:

- Cột 2 và cột 8: ghi tên tất cả các thôn thuộc của xã
- Từ cột 3 đến cột 6: Ghi số liệu tại thời điểm 31/12/2019 (tỷ lệ hộ nghèo xác định theo chuẩn giai đoạn 2016-2020).
- Cột 7: Ghi ký hiệu III, II, I tương ứng với cấp xã được phê duyệt tại Quyết định 861 và Ghi X đối với thôn ĐBKK theo QĐ 612
- Từ cột 9 đến cột 12: Ghi số liệu tại thời điểm rà soát (tỷ lệ hộ nghèo xác định theo chuẩn giai đoạn 2021-2025).

Phụ lục 02

DANH SÁCH XÃ KHU VỰC III, KHU VỰC II ĐÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI TỈNH.....

(Kèm theo Văn bản số 1773 /UBDT-CSDT ngày 24 /10/2022 của Ủy ban Dân tộc)

TT	TÊN HUYỆN, XÃ	Thuộc khu vực *(được phê duyệt tại QĐ 861/QĐ-TTg)*	Đạt chuẩn nông thôn mới
1	2	3	4
I	Huyện.....		
1	Xã....		(ghi ngày, tháng, năm được công nhận NTM)
2	Xã....		
3	Xã....		

Phụ lục 03

DANH SÁCH XÃ THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI SAU SÁP NHẬP, THÀNH LẬP MỚI TỈNH .....

(Kèm theo Văn bản số 1773 /UBDT-CSDT ngày 24 /10/2022 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã sau sáp nhập, thành lập mới	Hộ			Nghèo				Đề xuất thuộc khu vực	Được sáp nhập hoặc thành lập mới từ các xã								
		Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)		Tên xã	Khu vực	Số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Huyện.....																	
1	Xã A (sau sáp nhập hoặc thành lập mới)	120	60	50	30	25	20	66,7	III	***Tổng số***		***120***	***60***	***50***	***30***	***25***	***20***	***66,7***
										Xã 1 (trước sáp nhập)	III	50	40	80	20	40	15	75
										Xã 2 (trước sáp nhập)	II	40	10	25	5	12,5	4	80
										Xã 3 (trước sáp nhập)	I	30	10	33,3	5	16,7	1	20

Ghi chú: Số liệu từ cột 12 đến cột 19 lấy theo số liệu báo cáo phê duyệt Quyết định 861/QĐ-TTg và chỉ ghi dân số, số hộ nghèo được sáp nhập của xã 1,2,3 vào xã A (không phải toàn bộ dân số, số hộ nghèo của xã 1, 2, 3)

Phụ lục 04

DANH SÁCH THÔN THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI SAU SÁP NHẬP, THÀNH LẬP MỚI TỈNH.....

(Kèm theo Văn bản số 1773 /UBDT-CSDT ngày 24 /10/2022 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn sau sáp nhập, thành lập mới	Hộ			Nghèo				Đề xuất thuộc thuộc diện ĐBKK	Được sáp nhập hoặc thành lập mới từ các thôn								
		Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)		Tên xã	Thuộc diện ĐBKK	Số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Huyện.....																	
1	Xã.....																	
	Thôn A (sau sáp nhập hoặc thành lập mới)	120	60	50	30	25	20	66,7	X	***Tổng số***		***120***	***60***	***50***	***30***	***25***	***20***	***66,7***
										Thôn 1 (trước sáp nhập)	X	50	40	80	20	40	15	75
										Thôn 2 (trước sáp nhập)	X	40	10	25	5	12,5	4	80
										Thôn 3 (trước sáp nhập)		30	10	33,3	5	16,7	1	20

Ghi chú: Số liệu từ cột 12 đến cột 19 lấy theo số liệu báo cáo phê duyệt Quyết định 612/QĐ-UBDT và chỉ ghi dân số, số hộ nghèo được sáp nhập của thôn 1,2,3 vào xã A (không phải toàn bộ dân số, số hộ nghèo của thôn 1, 2, 3)

Phụ lục 05

ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TÊN XÃ, THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH.....

(Kèm theo Văn bản số 1773 /UBDT-CSDT ngày 24 /10/2022 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên xã (thôn) phê duyệt tại QĐ 861/QĐ-TTg và QĐ 612/QĐ-UBDT	Tên xã (thôn) đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Lý do đề nghị điều chỉnh, bổ sung
1	2	3	4
I	Huyện.....		
1	Tên xã (hoặc thôn)	Tên xã (hoặc thôn) mới	
2	Tên xã (hoặc thôn)	Tên xã (hoặc thôn) mới	
3	Tên xã (hoặc thôn)	Tên xã (hoặc thôn) mới	

cv 1773

DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN

1	An Giang
2	Bà Rịa - Vùng Tàu
3	Bạc Liêu
4	Bắc Kạn
5	Bắc Giang
6	Bình Dương
7	Bình Định
8	Bình Phước
9	Bình Thuận
10	Cà Mau
11	Cao Bằng
12	Cần Thơ
13	Đắk Lắk
14	Đắk Nông
15	Điện Biên
16	Đồng Nai
17	Gia Lai
18	Hà Giang
19	Hà Nội
20	Hà Tĩnh
21	Hậu Giang
22	Hòa Bình
23	Kiên Giang

24	Kon Tum
25	Khánh Hòa
26	Lai Châu
27	Lạng Sơn
28	Lào Cai
29	Lâm Đồng
30	Đà Nẵng
31	Ninh Bình
32	Ninh Thuận
33	Nghệ An
34	Phú Yên
35	Phú Thọ
36	Quảng Bình
37	Quảng Nam
38	Quảng Ninh
39	Quảng Ngãi
40	Quảng Trị
41	Sóc Trăng
42	Sơn La
43	Tây Ninh
44	Tuyên Quang
45	Thái Nguyên
46	Thanh Hóa
47	Thừa Thiên Huế
48	Trà Vinh

49	Vĩnh Long
50	Vĩnh Phúc
51	Yên Bái
52	Hải Dương